

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
TP. HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/6/2021

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Kim Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân : **1. Bà Nguyễn Thị Lan**

2. Bà Trần Thị Minh

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc**

- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Vũ Ngọc Trang - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 170/2021/HSST ngày 09/3/2021 về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST - HS ngày 28/4/2021; quyết định hoãn phiên tòa số: 43 ngày 13/5/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Kiều Thị Thu H-** sinh năm 1989

HKTT và nơi ở: Lô 23 phường Đ, quận Hi, Hà Nội.(có mặt)

- **Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D-** sinh năm 1978

HKTT và trú tại: Lô 23 phường Đ, quận Hi, Hà Nội.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Kiều Thị Thu H trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của chị. Sau khi kết hôn hai anh chị sống tại Lô 23 phường Đ, quận Hi, Hà Nội.

Ngay sau khi kết hôn, chị mới phát hiện ra anh D có con riêng, lúc đó cháu đã được 7 tháng tuổi nhưng vì tình yêu với anh D, chị vẫn bỏ qua và nhận cháu Đạt làm con nuôi. Tuy nhiên, trong quá trình sinh sống, anh D không hề thay đổi, vẫn mãi mê cờ bạc, bỏ bê, không chung thủy với vợ. Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh D không hề thay đổi. Vợ chồng đã ly thân từ lâu, mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng không ai nói chuyện với ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị H xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 19/01/2012, ngoài ra, chị có nhận cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 05/7/201 là con riêng của anh D làm con nuôi, hiện cả hai con chung đang ở cùng với anh, chị tại Lô 23 phường Đ, quận Hi, Hà Nội. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến M, giao cháu Nguyễn Tiến Đ cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị bán hàng online tại nhà và có thu nhập từ việc thuê nhà khoảng 20 triệu đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung : Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Chị cam kết không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là anh Nguyễn Tiến D mặc dù được Tòa án tổng đạt các văn bản: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo đến Tòa án lấy lời khai, thông báo phiên họp giao nhận chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của anh D và không tiến hành hòa giải được .***

Tại phiên tòa: nguyên đơn là chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh D vì chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, tiếp tục chung sống với anh D chỉ làm tinh thần chị bị tổn thương nhiều hơn. Về con chung, chị vẫn có nguyện vọng được nuôi cháu Minh, không đề nghị anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nhà ở chung: chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị cam kết không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Tiến D có mặt tại phiên tòa trình bày: bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị H, anh không muốn ly hôn nhưng nếu chị H vẫn nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Về con chung: Anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con vì theo anh, toàn bộ tài sản có được là do anh làm ra, anh có đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản chung và nhà ở chung: anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh cam kết không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: chị H và anh D phát sinh mâu thuẫn đã lâu, vợ chồng ly thân hơn 04 năm, tại phiên tòa, anh D cũng đồng ý ly hôn với chị H nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của hai anh chị. Về con chung: xét thấy, anh chị đều có nơi ở và thu nhập, có đủ điều kiện nuôi con, cháu Đạt là con riêng của anh D nên đề nghị giao cháu Nguyễn Tiến D cho anh Nguyễn Tiến D trực tiếp chăm sóc, giao cháu Nguyễn Tiến M cho chị Kiều Thị Thu H trực tiếp chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của hai anh chị cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung và nhà ở chung: anh, chị tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên không xem xét, về nợ chung: anh, chị cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Việc chị Kiều Thị Thu H xin ly hôn với anh Nguyễn Tiến D, anh D đang trú tại địa chỉ: Lô 23 phường Đ, quận Hi, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị H và qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng: quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống gia đình. Nếu duy trì hôn nhân cũng chỉ gây ức chế, căng thẳng cho các bên mà không đạt được mục đích là duy trì cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc. Anh D không lên Tòa án để làm việc nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được chứng tỏ anh D không có thiện chí để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn anh D. Anh D có mặt tại phiên tòa cũng đồng ý ly hôn với chị H. Do vậy, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh D.

[3] Về con chung: Chị H xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 19/01/2012, ngoài ra, chị có nhận cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 05/7/2011 là con riêng của anh D làm con nuôi, hiện cả hai con đang ở cùng với anh, chị tại Lô 23 phường Đ, quận Hi, Hà Nội. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến M, giao cháu Nguyễn Tiến Đ cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị bán hàng online tại nhà và có thu nhập từ việc thuê nhà khoảng 20 triệu đồng/ tháng. Xét thấy, chị H có đầy đủ điều kiện về nơi ở và thu nhập, có đầy đủ khả năng nuôi con, nên giao cháu Minh cho chị H trực tiếp chăm sóc. Cháu Nguyễn Tiến Đ là con nuôi của chị H nhưng là con đẻ của anh D nên mặc dù anh D không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh quyền nuôi con nhưng căn cứ vào bản tự khai của cháu Đạt, cháu có nguyện vọng được ở với bố nên Tòa án vẫn giao cháu Nguyễn Tiến Đ cho anh D trực tiếp chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung: do cả hai anh chị đều không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng của anh, chị khi có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh D, chị H có quyền thăm nom chăm sóc con chung không do mình trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị H, anh D không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về khoản nợ chung: Chị H, anh D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 51,55, 58 và điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điều 28,35, 39, 147, 227,228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Kiều Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 05/7/2011 cho anh Nguyễn Tiến D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Giao cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 19/01/2012 cho chị Kiều Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh, chị cho đến khi có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị H, anh D không đề nghị giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Anh, chị cam kết không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai số AA/2019/0011085 ngày 09/3/2021 của chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Kiều Thị Thu H, bị đơn anh Nguyễn Tiến D có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội
 - Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
 - Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
 - Ủy ban nhân dân phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 70/2011
Quyển số 01/2011 ngày 28/9/2011);
- Các đương sự
 - Lưu HS+ VP

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc

